

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH TRÀ VINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 05/2025/HNGĐ-ST

Ngày: 23 - 01-2025

“Về việc xin ly hôn, nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TRÀ VINH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Đặng Văn Hùng

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Chuẩn

Ông Huỳnh Văn Kiên

Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Bé Thảo, Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Trà Vinh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Trà Vinh tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Ngọc Anh, Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 01 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Trà Vinh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình sơ thẩm thụ lý số: 20/2024/TLST-HNGĐ ngày 02 tháng 4 năm 2024 về việc “Ly hôn, nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 64/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 19 tháng 12 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 09/2025/QĐ – ST, ngày 07 tháng 01 năm 2025, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Huỳnh Thị T, sinh năm 1995 (có đơn xin vắng mặt)

Địa chỉ: ấp R, xã H, huyện T, tỉnh Trà Vinh

- *Bị đơn:* Ông Trầm Văn K, sinh năm 1988 (vắng mặt)

Địa chỉ thường trú: ấp R, xã H, huyện T, tỉnh Trà Vinh

Chỗ ở hiện nay: 107, R, Prince Rupert BC, V8J4C7, Canada

- Con chung: cháu Trầm Huỳnh Thảo M, sinh ngày 29/01/2014 (có đơn xin vắng mặt)

Địa chỉ: ấp R, xã H, huyện T, tỉnh Trà Vinh

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 11/3/2024, bản tự khai trong quá trình giải quyết vụ án bà Huỳnh Thị T trình bày và có yêu cầu như sau: Khoảng năm 2013 bà và ông Trầm Văn K gặp nhau, tự tìm hiểu nhau và phát sinh tình cảm yêu

thương nhau. Cùng năm 2013 ông bà tổ chức lễ cưới có đăng ký kết hôn tại UBND xã A, huyện C, tỉnh Sóc Trăng cấp ngày 12/3/2014. Đến năm 2022 ông Trầm Văn K xuất cảnh đi Canada để lao động. Kể từ ngày ông K đi thì ông bà phát sinh mâu thuẫn vợ chồng do bất đồng ý kiến và quan điểm trong cuộc sống. Gia đình hai bên đã cố gắng hàn gắn tình cảm với nhau nhưng vẫn không thể hàn gắn được. Nay bà yêu cầu ly hôn với ông Trầm Văn K.

Về con chung: Cháu Huỳnh Trầm Thảo M1, sinh ngày 29/01/2014 bà yêu cầu được nuôi dưỡng con và không yêu cầu ông Trầm Văn K cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: không có nên không yêu cầu giải quyết.

Về nợ chung: không có nên không yêu cầu giải quyết.

Tại bản tự khai của ông Trầm Văn K đề ngày 27/5/2024 không có hợp thức lãnh sự trình bày và có yêu cầu như sau: ông đồng ý giao con tên Huỳnh Trầm Thảo M1, sinh ngày 29/01/2014 cho bà T nuôi dưỡng và ông không cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung, nợ chung không có. Đồng thời ông yêu cầu giải quyết vắng mặt ông. Tuy nhiên việc gửi bản tự khai của ông Trầm Văn K qua đường bưu điện, lời khai của ông không có hợp thức hóa lãnh sự theo quy định pháp luật.

Tại bản tự khai của cháu Trầm Huỳnh Thảo M trình bày: Hiện nay cháu đang sống với mẹ tên Huỳnh Thị T và từ trước cho đến nay cháu được mẹ trực tiếp nuôi dưỡng, dạy dỗ, đưa đi học, môi trường sống hiện tại đã quen nên khi cha mẹ ly hôn, cháu có nguyện vọng được sống với mẹ

Tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn, bị đơn đều vắng mặt nên không có ý kiến trình bày gì thêm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Trà Vinh tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký đã tiến hành thu thập chứng cứ đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Xét thấy hôn nhân giữa bà Huỳnh Thị T là hợp pháp, đúng quy định pháp luật. Do mâu thuẫn trong cuộc sống vợ chồng nên vợ chồng ông bà đã ly thân từ năm 2022 cho đến nay, hiện nay tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, bà Huỳnh Thị T yêu cầu được ly hôn với ông Trầm Văn K là có căn cứ. Căn cứ vào Điều 51, Điều 56, Điều 57 và Điều 58 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Huỳnh Thị T, cho bà Huỳnh Thị T được ly hôn với ông Trầm Văn K; về con chung: tên Huỳnh Trầm Thảo M1, sinh ngày 29/01/2014 giao cho bà T tiếp tục nuôi dưỡng và ông K không phải cấp dưỡng nuôi con; Về tài sản chung, nợ chung: không có và không yêu cầu Tòa án giải

quyết nên không đặt ra xem xét giải quyết. Về án phí, đương sự phải chịu theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Căn cứ yêu cầu khởi kiện nguyên đơn bà Huỳnh Thị T, Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật tranh chấp của vụ án là “*Ly hôn, nuôi con chung*”.

[2] *Về thẩm quyền*: Bị đơn ông Trần Văn K hiện đang định cư ở nước ngoài (Canada). Căn cứ vào các Điều 28, 37, 38, 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 thì vụ án trên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Trà Vinh.

[3] Về sự vắng mặt của đương sự: Nguyên đơn bà Huỳnh Thị T vắng mặt có đơn xin xét xử vắng mặt và bị đơn ông Trịnh Văn L đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không lý do. Căn cứ vào các Điều 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt đương sự.

[4] Về tài liệu chứng cứ do bị đơn ông Trần Văn K nộp qua đường bưu chính gồm bản tự khai đề ngày 27/5/2024 của ông Trần Văn K nhưng ông K không có hợp thức hóa lãnh sự. Căn cứ vào khoản 2 Điều 4 Nghị định 11/2011/NĐ – CP ngày 05/12/2011 thì những tài liệu do ông K cung cấp không hợp lệ.

[5] Về hôn nhân: Bà Huỳnh Thị T và ông Trần Văn K tự nguyện kết hôn và có đăng ký kết hôn tại UBND xã A, huyện C, tỉnh Sóc Trăng vào ngày 12/3/2014 theo quy định pháp luật Việt Nam nên hôn nhân của bà Huỳnh Thị T và ông Trần Văn K là hợp pháp được pháp luật công nhận. Quá trình chung sống ông, bà có 01 người con chung tên Huỳnh Trần Thảo M1, sinh ngày 29/01/2014. Cuộc sống vợ chồng lúc đầu hạnh phúc đến năm 2022 ông K xuất cảnh đi Canada để lao động thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, mặc dù hai bên gia đình đã hàn gắn nhưng vợ chồng ông, bà không thể hàn gắn được nên vợ chồng đã ly thân từ năm 2022 cho đến nay. Hiện tại mỗi người ở một nước khác nhau nên không thể thực hiện nghĩa vụ chăm sóc, yêu thương lẫn nhau. Do đó, căn cứ vào Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Huỳnh Thị T

[6] *Về con chung*: Bà Huỳnh Thị T và ông Trần Văn K có 01 người con chung tên Huỳnh Trần Thảo M1, sinh ngày 29/01/2014, khi ly hôn bà T yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con. Xét thấy bà T là người trực tiếp nuôi dưỡng con từ trước cho đến nay và cháu M1 cũng có nguyện vọng sau khi cha mẹ ly hôn cháu sống với mẹ là bà Huỳnh Thị T. Do đó việc giao cháu M1 cho bà T tiếp tục

nuôi dưỡng là phù hợp. Căn cứ vào Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014 Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà T, giao cháu M1 cho bà T tiếp tục nuôi dưỡng. Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con: bà T không yêu cầu ông K cấp dưỡng nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

[7] *Về Tài sản chung*: Bà Huỳnh Thị T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

[8] *Về nợ chung*: Bà Huỳnh Thị T khai không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

[9] *Về án phí*: Theo khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án quy định “*Trong vụ án ly hôn thì nguyên đơn phải chịu án phí sơ thẩm, không phụ thuộc vào việc Tòa án chấp nhận hay không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn*” nên bà Huỳnh Thị T phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định pháp luật.

[10] Quan điểm của vị Kiểm sát viên phát biểu tại phiên tòa phù hợp quy định pháp luật và nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, Điều 37, Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 207, Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 469 và Điều 479 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và khoản 1 Điều 127 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc ly hôn của bà Huỳnh Thị T

1. *Về quan hệ hôn nhân*: Cho bà Huỳnh Thị T được ly hôn với ông Trầm Văn K.

2. *Về con chung*: Giao cháu Huỳnh Trầm Thảo M1, sinh ngày 29/01/2014 cho bà Huỳnh Thị T trực tiếp nuôi dưỡng; Bà T không yêu cầu ông K cấp dưỡng nuôi con.

Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ tôn trọng quyền của con được sống chung với người trực tiếp nuôi.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền và nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. *Về tài sản chung*: Bà Huỳnh Thị T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

4. *Về nợ chung*: Bà Huỳnh Thị T khai không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

5. *Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm*: Buộc bà Huỳnh Thị T phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm bằng 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng), nhưng được cân trừ vào số tiền tạm ứng án phí bằng 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0002584 ngày 18/3/2024 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Trà Vinh.

6. *Về quyền kháng cáo*: Án xử sơ thẩm công khai vắng mặt nguyên đơn, bị đơn. Báo cho nguyên đơn bà Huỳnh Thị T biết được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày và bị đơn ông Trần Văn K biết được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 01 (một) tháng kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND cấp cao;
- VKSND tỉnh Trà Vinh;
- Cục THADS tỉnh Trà Vinh;
- UBND xã An Thạnh 3;
- Đương sự;
- Lưu HS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TÒA**

Đặng Văn Hùng

